

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: **Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.**

Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: **Số nhà A, đường N, tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị N** và anh **Lê Văn T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị **Trần Thị N** và anh **Lê Văn T** thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là **Lê Trần Linh N1**, sinh ngày 01/4/2012 và **Lê Trần Khánh C**, sinh ngày 19/02/2018. Hai bên thoả thuận: Giao hai con **Lê Trần Linh N1** và **Lê Trần Khánh C** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi); tạm thời không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng tiền nuôi con vì điều kiện công việc chưa ổn định. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị **Trần Thị N** và anh **Lê Văn T** thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án. Chị **Trần Thị N** và anh **Lê Văn T** mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; chị **N** thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho anh **T**. Số tiền án phí chị **N** phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003927, ngày 20/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Chị **N** được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Trường Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhàn